

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 04-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2020 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* bà Bùi Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn 3, xã N, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (Có mặt)

**/ Bị đơn:* Ông Hoàng Tiến L, sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn 3, xã N, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Bùi Thị H (nguyên đơn) trình bày: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Tiến L lấy nhau vào năm 1999, khi lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung là cháu Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 14/11/2007. Về nguyên nhân mâu thuẫn do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung, dần tình cảm vợ chồng không còn, ông bà sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, từ khi sống ly thân ông L cũng không còn quan tâm đến vợ con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Bùi Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Tiến L.

Về con chung: Khi ly hôn bà Bùi Thị H xin tiếp tục nhận nuôi cháu Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 14/11/2007 cho đến khi 18 tuổi và không yêu cầu ông Hoàng Tiến L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hoàng Tiến L đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xác minh tại địa phương UBND xã Đắk Nđ'rot, huyện Đắk Mil thì ông Hoàng Tiến L vẫn có đăng ký hộ khẩu ở thôn 3, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông nhưng không thường xuyên có mặt, thỉnh thoảng đi đi về về, do đó Tòa án tiến hành đăng tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn bà Bùi Thị H đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị H. Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Hoàng Tiến L; Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 14/11/2007 cho bà Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con, Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí và chi phí thông báo nhấn tin: Bà Bùi Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị H yêu cầu xin ly hôn với ông Hoàng Tiến L, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hoàng Tiến L có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk

Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Tiến L hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Hoàng Tiến L cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của ông Hoàng Tiến L đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Hoàng Tiến L phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hoàng Tiến L là phù hợp.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 06/5/1999 ông Hoàng Tiến L và bà Bùi Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, khi chung sống với nhau thì ông bà phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình điều tra ông Hoàng Tiến L không hợp tác để giải quyết vụ án, qua xác minh ở chính quyền địa phương được biết ông bà đã sống ly thân từ lâu, qua đó xác định được việc mâu thuẫn và cuộc sống chung không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của ông, bà thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị H và giải quyết cho bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Hoàng Tiến L.

2.2. Về con chung: Do ông Hoàng Tiến L không tới Tòa án làm việc nên cũng không biết được quan điểm của ông Hoàng Tiến L về việc nuôi con chung, bên cạnh đó nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Bích N là được sống cùng với mẹ. Chính vì vậy cần giao cháu Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 14/11/2007 cho bà Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Hoàng Tiến L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, bà Bùi Thị H không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về chi phí đăng, phát thông báo: bà Bùi Thị H phải chịu chi phí đăng, phát thông báo theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 180; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Hoàng Tiến L. (Chấm dứt quan hệ hôn nhân)

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 14/11/2007 cho bà Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Thị Bích N đủ 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Chi phí đăng, phát thông báo nhấn tin: Bà Bùi Thị H phải chịu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền chi phí đăng thông báo trên đài tiếng nói Việt Nam và trên báo công lý, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Bùi Thị H đã nộp 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về án phí: bà Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002045 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh